

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-PT

Ngày: 03/03/2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02 và ngày 03 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2019/QĐ-PT ngày 16/12/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty L;

Đại diện theo pháp luật: Cao Đức D – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Đường V, Phường X, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường L, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2018.

- Bị đơn: Công ty N;

Đại diện theo pháp luật: Ông Fang Han J – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Khu công nghiệp G, Ấp D, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Lan Feng M, sinh năm 1984; (Xin vắng mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Trọng K - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường K, Phường A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh B – Giám đốc Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Lan Feng M – Giám đốc Công ty N; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu công nghiệp G, Ấp D, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Đet – Trưởng phòng nhân sự Công ty N; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu công nghiệp G, Ấp D, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Công ty N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – Công ty L, có người đại diện theo ủy quyền – ông Nguyễn Duy N trình bày:

Ngày 01/6/2018, Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang và Công ty N ký với nhau hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 061/HĐ-CNBLT/2018. Theo hợp đồng, Công ty L – chi nhánh Tiền Giang cung ứng dịch vụ bảo vệ cho Công ty N như sau:

Tổng số lượng bảo vệ: 05 (năm) vị trí bảo vệ làm việc 24/24h.

Thời hạn của hợp đồng: Bắt đầu kể từ lúc 06 giờ ngày 01/6/2018 đến 00 giờ 00 phút ngày 31/5/2019. Sau thời hạn nêu trên nếu hai bên không có đề nghị bằng văn bản thì hợp đồng này sẽ đương nhiên được tiếp tục thực hiện thêm 12 (mười hai) tháng vào cuối mỗi kỳ thời hạn theo cùng các điều khoản và điều kiện đã áp dụng trong thời hạn hợp đồng trước.

Phí dịch vụ: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) trên một tháng, giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phương thức thanh toán: Công ty N sẽ chuyển khoản hoặc giao tiền mặt cho Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng.

Đến lúc 11 giờ ngày 03/11/2018, Công ty N đã ngang nhiên tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn 06 (sáu) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày và trục xuất toàn bộ nhân viên bảo vệ của Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang ra khỏi Công ty N. Như vậy, Công ty N đã vi phạm nghiêm trọng các điều khoản trong hợp đồng 061/HĐ-CNBLT/2018 ký giữa hai bên, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích chính đáng của Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Công ty L yêu cầu Công ty N bồi thường cho Công ty L số tiền phí dịch vụ bảo vệ trong 06 (sáu) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày còn lại theo hợp đồng số 061/HĐ-CNBLT/2018 ngày 01/6/2018 với số tiền 414.000.000 đồng (bốn trăm mười bốn triệu đồng), thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – Công ty N, có người đại diện theo pháp luật – ông Fang Han J trình bày:

Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang và Công ty N có ký với nhau hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 061/HĐ-CNBLT/2018 ngày 01/6/2018. Thời hạn hợp đồng là một năm từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/5/2019 với phí dịch vụ là 60.000.000đ/05 vị trí.

Qua 05 (năm) tháng hợp tác thì thấy Công ty L tại Tiền Giang bố trí lực lượng yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ như: Nhân viên thường xuyên ngủ trong ca trực, để người ngoài vào đánh nhân viên công ty và phá hoại tài sản của công ty, không đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy, bố trí nhân viên khiếm thính và không nói được vào vị trí trực, không ghi chép sổ sách. Phía công ty đã mời ông Nguyễn Thanh B đến để nhắc nhở khắc phục nhưng nhiều lần vẫn không tiến bộ. Ngày 03/10/2018, đại diện hai bên có cuộc họp để trao đổi về vấn đề nêu trên thì anh Nguyễn Thanh B đại diện Công ty L tại Tiền Giang đề nghị Công ty N muốn chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước 30 (Ba mươi) ngày. Sau cuộc họp Công ty N đã gửi thông báo “Chấm dứt hợp đồng thuê dịch vụ bảo vệ số 12/2018/QT-CV” ngay trong ngày cho Công ty L tại Tiền Giang. Ngày 03/11/2018, ông Nguyễn Duy N và ông Cao Đức D đã đến Công ty N điều động rút toàn bộ nhân viên bảo vệ và phía Công ty N không dùng bất cứ hình thức nào để cưỡng chế nhân viên bảo vệ của Công ty L tại Tiền Giang ra khỏi công ty và đã hoàn trả đủ phí dịch vụ cho Công ty L tại Tiền Giang đến hết ngày 03/11/2018. Do đó, Công ty N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Trong quá trình quản lý điều hành tại Công ty L – Chi nhánh tại Tiền Giang, tôi không có nhận được bất cứ giấy tờ gì liên quan đến việc thông báo cắt hợp đồng giữa Công ty L và Công ty N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lan Feng M và bà Nguyễn Thị Đẹt cùng trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Fang Han J.

Bản án sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 513, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, c khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L đối với Công ty N.
- Buộc Công ty N trả cho Công ty L số tiền phí dịch vụ bảo vệ là 414.000.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu đồng), thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.
- Kể từ ngày Công ty L có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty N không trả số tiền nêu trên thì Công ty N còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty N – bà Lan Feng M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu bảo vệ cho bị đơn: Công ty L khởi kiện căn cứ vào hợp đồng số 061/HĐ-CNBLT/2018 ngày 01/6/2018, căn cứ vào nội dung của hợp đồng này thì Công ty N ký với Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang, Giám đốc chi nhánh ký hợp đồng là anh Nguyễn Thanh B. Cho nên, đại diện của nguyên đơn phủ nhận vai trò của chi nhánh là sai; Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang đã không cung cấp đủ chức năng bảo vệ như cán bộ bỏ vị trí trực, hút thuốc khi làm nhiệm vụ và ngủ trong khi trực...; Ngày 13/8/2018 đã có cuộc họp chấn chỉnh tác phong, công việc của bảo vệ nhưng vẫn không khắc phục; Công ty N có gửi thư bảo đảm có hồi báo và gửi email thông cho chi nhánh Công ty L – tại Tiền Giang về việc chấm dứt hợp đồng bảo vệ, do chi nhánh công ty Công ty L ký kết hợp đồng với Công ty N, nên việc thông báo là hoàn toàn phù hợp. Căn cứ Điều 79 của Luật Thương mại thì Công ty N chấm dứt hợp đồng là phù hợp với qui định của pháp luật. Phía nguyên đơn yêu cầu trả 414.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh thiệt hại. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày; Đề nghị quý tòa xem xét vừa bồi thường thiệt hại vừa bồi thường hợp đồng cho nguyên đơn. Phía nguyên đơn không cần thiết phải chứng minh thiệt hại, phía bị đơn chấm dứt hợp đồng sai qui định thì phải bồi thường.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Xét đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định nên được xem xét. Nhận thấy, bản án sơ thẩm bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng thẩm quyền xét xử; Về nội dung: Qua xem xét các hợp thư điện tử (email) thì thấy rằng Công ty N có gửi văn bản chấm dứt hợp đồng bảo vệ ngày 03/10/2018; Việc Công ty N chấm dứt hợp đồng là có cơ sở. Mặc dù trong quá trình xét xử Công ty N không chứng minh được các vi phạm của bảo vệ và không gửi thông báo bằng văn bản các vi phạm của bảo vệ là có một phần lỗi. Nhưng khi phát hiện vi phạm thì ngày 13/8/2018 thì hai bên có cuộc họp để chấn chỉnh các sai phạm, bị đơn trình bày rằng anh B có nêu muốn chấm dứt hợp đồng thì báo trước 30 ngày. Kể từ ngày 03/10/2018 Công ty L – tại Tiền Giang đã biết được vi phạm, cũng không có những việc làm cụ thể để khắc phục vi phạm. Cho thấy Công ty L đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, do đó Công ty N chấm dứt hợp đồng là phù hợp với pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên trình bày ngày 03/11/2018 thì lực lượng bảo vệ rút khỏi Công ty N, nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ thiệt hại với số tiền 414.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của Công ty N, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Luật sư, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” là có căn cứ.

Đối với đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Lan Feng M, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Nguyễn Thanh B, bà Lan Feng M và Nguyễn Thị Đẹt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 01/6/2018, Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang và Công ty N ký với nhau hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 061/HĐ-CNBLT/2018. Theo hợp đồng, Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang cung ứng dịch vụ bảo vệ cho Công ty N như sau: Tổng số lượng bảo vệ: 05 (năm) vị trí bảo vệ làm việc 24/24h. Thời hạn của hợp đồng: Bắt đầu kể từ lúc 06 giờ ngày 01/6/2018 đến 00 giờ 00 phút ngày 31/5/2019. Sau thời hạn nêu trên nếu hai bên không có đề nghị bằng văn bản thì hợp đồng này sẽ đương nhiên được tiếp tục thực hiện thêm 12 (Mười hai) tháng vào cuối mỗi kỳ thời hạn theo cùng các điều khoản và điều kiện đã áp dụng trong thời hạn hợp đồng trước. Phí dịch vụ: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) trên một tháng, giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phương thức thanh toán: Công ty N sẽ chuyển khoản hoặc giao tiền mặt cho Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang vào ngày 01 (đương dịch) hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ngày 03/11/2018 thì hai bên có lập một biên bản làm việc, Công ty L rút hết lực lượng bảo vệ ra khỏi Công ty N, đồng thời phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo vệ trước thời hạn, nên khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường hợp đồng với số tiền 414.000.000 đồng là số tiền vi phạm do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn 06 tháng 27 ngày. Bị đơn thì cho rằng do phía nguyên đơn vi phạm trong việc thực hiện hợp đồng như nhân viên bảo vệ ngủ, hút thuốc trong khi trực, mặc dù có cuộc họp ngày 13/8/2018 để chấn chỉnh nhưng vẫn không khắc phục. Bị đơn cũng đã gửi thư điện tử (email) và thư bảo đảm có hồi báo bằng đường bưu điện cho Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang để chấm dứt việc thực hiện hợp đồng, nên các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét nội dung kháng cáo của Công ty N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 061/HĐ-CNBLT/2018 Ngày 01/6/2018, giữa Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang và Công ty N, được các bên đương sự thừa nhận là việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, người tham gia ký kết hợp đồng đầy đủ năng lực nên có hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện đến ngày 03/11/2018 thì chấm dứt và phát sinh tranh chấp. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 8, khoản 10.1 Điều 10 của hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 061/HĐ-CNBLT/2018 Ngày 01/6/2018 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 414.000.000 đồng là chưa đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như sau:

[3.1] Xét hợp đồng: Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 061/HĐ-CNBLT/2018 Ngày 01/6/2018, giữa Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang và Công ty N. Tại phần ghi tên và địa chỉ của bên A và bên B đều địa chỉ bên A: Lô 61C, 131C1, 131D Khu công nghiệp G, Ấp D, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ của bên B: Ấp B, xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang cùng số điện thoại, số Fax, mã số thuế của 02 đơn vị. Anh Nguyễn Thanh B là người đại diện hợp pháp của bên B ký kết hợp đồng, được đại diện của nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa anh B là người đủ thẩm quyền ký kết, thực hiện hợp đồng.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng: Vào ngày 13/08/2018 có biên bản cuộc họp giữa Công ty L và Công ty N để khắc phục những khuyết điểm vừa qua của đội ngũ nhân viên bảo vệ trực tại Công ty TNHH Thép không gỉ Quảng Thượng, có sự tham dự của Giám đốc B, đồng chí R và đồng chí H. Đồng thời biên bản phiên họp này cũng qui định thời gian để khắc phục khuyết điểm từ ngày 13/08/2018 đến ngày 31/8/2018, trong suốt thời gian này thì các bên đều không có chứng cứ gì để chứng minh các nhân viên bảo vệ có khắc phục được sai phạm hay chưa. Quá trình tranh chấp thì nguyên đơn cho rằng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía bị đơn là chưa phù hợp với nội dung biên bản phiên họp ngày 13/08/2018 đã thu thập có trong hồ sơ.

[3.3] Bị đơn cho rằng phía nguyên đơn không khắc phục những vi phạm nêu ra trong biên bản họp ngày 13/8/2018, nên có đề nghị chấm dứt hợp đồng với Giám đốc Bình, đồng thời anh B yêu cầu phải thông báo bằng văn bản trước 30 ngày. Bị đơn đã chứng minh bằng việc thông báo bằng văn bản cho Công ty L – Chi nhánh Tiền Giang bằng cách gửi thư bảo đảm có hồi báo tại phiếu báo phát có số Bill :451615696 do Bưu cục Tân Phước thực hiện cho người nhận “CN Công ty TNHH DV BV Bảo Thiên Long” vào ngày 05/10/2018 và gửi thư điện tử (mail) cho nguyên đơn (Bút lục số 36) . Đối với đại diện của nguyên đơn cho rằng không nhận bất cứ văn bản giấy tờ nào đề nghị chấm dứt hợp đồng hoặc người không có thẩm quyền nhận cũng xem như không có giá trị. Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn về vấn đề này là chưa xác đáng. Bởi lẽ, tại khoản 10.7 Điều 10 của hợp đồng đã qui định ““ 10.7 . Toàn bộ thông báo sẽ được gửi theo hợp đồng này sẽ được lập thành văn bản và được gửi bằng chuyển phát nhanh hoặc được gửi tới có xác nhận được gửi tới bên kia theo địa chỉ của bên đó được qui định bởi phụ lục hợp đồng hoặc địa chỉ khác mà bên kia đã chỉ định bằng văn bản, mọi văn bản như vậy sẽ được xem là đã nhận được”. Đối chiếu với hợp đồng đã ký số 061/HĐ-CNBLT/2018 Ngày 01/6/2018 thì chỉ có 01 địa chỉ duy nhất của nguyên đơn là Ấp B, xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang. Quá trình thực hiện hợp đồng thì các bên cũng không có văn bản hay thỏa thuận địa chỉ nhận thư (bưu điện) hay thư điện tử (mail) là địa chỉ nào. Cho nên việc bị đơn gửi thông báo chấm dứt hợp đồng bằng đường bưu điện có hồi báo theo địa chỉ ghi trên hợp đồng được xem là hợp lệ và phù hợp với pháp luật. Hơn nữa việc này cũng phù hợp với nội dung của các mail điện tử giao dịch cho rằng đã nhận được thông báo của bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng. Nội dung thông báo số 12/2018/QT-CV ngày 03/10/2018 của Công ty N đã nêu rõ là thông báo về việc đề nghị chấm dứt hợp đồng bảo vệ vào lúc 12h00 ngày 03 tháng 11 năm 2018 với các lý do: “*nay công ty chúng tôi làm công văn này gửi đến Cty L thông báo về việc đề nghị chấm dứt hợp đồng số :061/HĐ-CNBT/2018 kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2018. Trong thời gian hợp tác vừa qua công ty chúng tôi xét thấy chất lượng dịch vụ bảo vệ không bảo đảm được an ninh cho công ty chúng tôi, không thực hiện đúng tác phong và nghiệp vụ của nhân viên bảo vệ. Về vấn đề này công ty chúng tôi cũng đã mời ban giám đốc CN Cty L đến công ty chúng tôi họp nhắc nhở và đưa ra hướng khắc phục. Cty chúng tôi đã cung cấp những hình ảnh vi phạm qua Group Zalo để phía Cty L nắm những hình ảnh vi phạm của nhân viên bảo vệ của mình để có hướng khắc phục tốt hơn. Công ty chúng tôi cũng đã tạo điều kiện để Cty L có hướng khắc phục những khuyết điểm nhưng kết quả vẫn không cải thiện. Nhằm để đảm bảo chất lượng làm việc, công ty chúng tôi đề nghị chấm dứt hợp đồng 061/HĐ-CNBT/2018 ký ngày 01/6/2018 vào lúc 12h 00 ngày 03/11/2018 theo đúng qui định đã nêu trong hợp đồng.*” Như vậy, đã có cơ sở để xác định việc bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là do phía nguyên đơn trong quá trình thực hiện hợp đồng có sai phạm thể hiện tại biên bản họp ngày 13/8/2018, nhưng không có

biện pháp khắc phục, đồng thời không có chứng cứ gì chứng minh việc khắc phục sai phạm của nhân viên bảo vệ. Bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo qui định tại các Điều 428, 520 của Bộ luật Dân sự và Điều 315 của Luật Thương mại. Ngoài ra, xét toàn diện quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng của hai bên đến ngày 03/11/2018 thì thấy rằng, ngày 01/6/2018 thì hai bên tiến hành ký kết hợp đồng thì nguyên đơn đưa bảo vệ đến nhận nhiệm vụ (có biên bản làm việc), ngày 13/8/2018 hai bên có buổi họp để chấn chỉnh sai sót (có biên bản cuộc họp). Bị đơn gửi thông báo chấm dứt hợp đồng trước hạn vào ngày 03/10/2018 (có giấy báo phát của bưu điện) thì đến ngày 03/11/2018 (30 ngày) nguyên đơn đến rút lực lượng bảo vệ ra khỏi Công ty N. Xét thấy, đây là một qui trình làm việc thực tế khách quan của phía nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, cho rằng không nhận bất kỳ phản ánh nào về chất lượng dịch vụ và không nhận thông báo chấm dứt hợp đồng, phía bị đơn trực xuất lực lượng bảo vệ ra khỏi Công ty mà không có chứng cứ gì chứng minh, nên lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ và phân tích như trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, phù hợp qui định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đòi bị đơn phải bồi thường số tiền 414.000.000 đồng.

[4] Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của vị Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 428, 520 của Bộ luật dân sự và Điều 315 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty N. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L đòi Công ty N phải bồi thường số tiền 414.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Công ty L phải chịu 20.560.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 10.280.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 19628 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, nên phải nộp tiếp số tiền 10.280.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Công ty N không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được hoàn lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19919 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 30 phút ngày 03 tháng 3 năm 2020.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện P, TG;
- CCTHADS huyện P, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt